

Số: **02** /2019/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý
dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH11 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về việc giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn, cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về hình thức tổ chức quản lý dự án;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và thay thế Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi một số Điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, KH&ĐT, Tư pháp (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Tòa án ND tỉnh, Viện kiểm sát ND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN&XDCB, NNTN, KGVX, NC.



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp quản lý dự án
đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2019/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, gồm các khâu: Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; cấp giấy phép xây dựng; tổ chức quản lý dự án, giám sát đầu tư và quyết toán dự án.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn trong quản lý dự án đầu tư xây dựng; các tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Điều 3. Quy định viết tắt và giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ được giải thích và viết tắt như sau:

1. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.
2. Ngân sách nhà nước viết tắt là NSNN. Các dự án sử dụng NSNN và vốn nhà nước ngoài ngân sách trong quy định này thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.
3. Quản lý dự án viết tắt là QLDA; đầu tư xây dựng viết tắt là ĐTXD; công trình xây dựng viết tắt là CTXD; Quy hoạch xây dựng viết tắt là QHXD; Giấy phép xây dựng viết tắt là GPXD; Hạ tầng kỹ thuật viết tắt là HTKT; Dân cư dịch vụ viết tắt là DCDV.
4. Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán thiết kế viết tắt là TKCS, TKKT, TKBVTC, DT; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT.
5. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và BCKTKT gọi chung là dự án ĐTXD.
6. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư viết tắt là dự án PPP.

7. Dự án đối ứng của dự án BT là dự án được giao cho nhà đầu tư để thực hiện việc đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

8. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thị xã, thành phố gọi chung là Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện và viết tắt là Phòng QLXD.

9. Khu công nghiệp tập trung viết tắt là KCN.

10. CTXD có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng là CTXD thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì CTXD; CTXD có ảnh hưởng lớn đến môi trường là CTXD thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về bảo vệ môi trường; CTXD có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan là công trình có yêu cầu phải tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

11. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý CTXD chuyên ngành quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ, sau đây gọi tắt là các cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành.

12. Các sở, cơ quan quản lý CTXD, sau đây gọi tắt là các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh quản lý đối với các công trình:

a) Sở Xây dựng đối với dự án ĐTXD công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án ĐTXD công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng quản lý);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án ĐTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với dự án ĐTXD công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành;

đ) Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh đối với dự án ĐTXD công trình công nghiệp trong KCN (trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 4. Chủ trương đầu tư

Dự án phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công trước khi tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng.

Điều 5. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án theo quy định tại Điều 7 Luật Xây dựng. Đối với dự án sử dụng vốn NSNN thực hiện như sau:

1. Dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách tỉnh

a) Các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp: Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh làm chủ đầu tư;

b) Các dự án thuộc lĩnh vực giao thông: Giao Ban quản lý dự án xây dựng giao thông Bắc Ninh làm chủ đầu tư;

c) Các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm chủ đầu tư;

d) Các công trình tu bổ, tôn tạo, di tích lịch sử văn hóa: Giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư; đồng thời ủy thác cho Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị thực hiện quản lý dự án;

đ) Các dự án cấp bách, khẩn cấp và trường hợp đặc biệt do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

e) Các dự án còn lại Giao Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh làm chủ đầu tư.

2. Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, dự án có sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên: Giao Ban QLDA cấp huyện làm chủ đầu tư.

3. Dự án HTKT khu DCDV: Giao UBND cấp xã hoặc Ban QLDA xây dựng các huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư.

4. Dự án đầu tư mới có quy mô nhỏ (dưới 15 tỷ đồng); dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình; dự án có sự tham gia đóng góp của cộng đồng và trong một số trường hợp cụ thể khác: Đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn làm chủ đầu tư.

5. Đối với dự án PPP, chủ đầu tư là nhà đầu tư được lựa chọn hoặc doanh nghiệp dự án (nếu có).

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở

1. Dự án sử dụng vốn NSNN

a) Các dự án nhóm A do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Trừ các dự án quy định tại điểm a và điểm c Khoản này, các dự án còn lại do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Phòng QLXD là cơ quan chủ trì thẩm định các dự án nhóm C (trừ nhóm C trọng điểm) và các dự án chỉ cần lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án có sự hỗ trợ của nhà nước một phần vốn đầu tư hoặc lãi suất vay, dự án HTKT đối ứng của dự án BT, dự án HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất được đầu tư bằng vốn của nhà đầu tư trúng đấu giá, dự án HTKT khu DCDV:

a) Dự án nhóm A do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành thẩm định chủ trì thẩm định TKCS theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP;

b) Trừ các dự án quy định tại điểm a và điểm c Khoản này, các dự án còn lại do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thẩm định TKCS theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Phòng QLXD cấp huyện thẩm định TKCS đối với các dự án HTKT khu DCDV, dự án nhóm C (trừ nhóm C trọng điểm) và TKBVTC đối với các dự án chỉ cần lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

d) Việc chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ và dự án được thực hiện như sau:

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thẩm định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp tỉnh;

- Phòng QLXD cấp huyện tổ chức thẩm định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã;

- Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định đối với các dự án còn lại.

3. Dự án PPP do Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thẩm định dự án.

4. Dự án sử dụng vốn khác

a) Dự án ĐTXD có công trình cấp I trở lên (trừ dự án ĐTXD công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m) do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Dự án ĐTXD công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III, dự án ĐTXD công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án, trừ các nội dung thiết kế cơ sở đã được thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

5. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, phần thiết bị mua cùng dự án phải có ý kiến bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã) hoặc Sở Tài chính (đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh).

6. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bằng vốn nhà nước phải có ý kiến của Sở Tài chính thẩm định về tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

7. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt dự án

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt:

- a) Các dự án nhóm A, B, C thuộc ngân sách cấp tỉnh; dự án PPP;
- b) Dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã trong đó có sử dụng một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh;
- c) Dự án nhóm A thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã;
- d) Dự án HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất được đầu tư bằng vốn của nhà đầu tư trúng đấu giá, dự án HTKT đối ứng của dự án BT.
- đ) Các dự án khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt BCKTKT có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt các dự án:

- a) Dự án nhóm B, C thuộc ngân sách cấp huyện;
- b) Dự án có tổng mức đầu tư đến dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp huyện, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;
- c) Dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;
- d) Dự án nhóm B, C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp xã không có hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;
- đ) Dự án ĐTXD hệ thống HTKT các khu DCDV;
- e) Các dự án khác thuộc cấp huyện quản lý.

4. Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt các dự án

- a) Dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã;
- b) Dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

5. Các dự án còn lại: Thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 60, Luật Xây dựng.

Điều 8. Điều chỉnh, bổ sung dự án

1. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án thực hiện theo quy định về thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định này.

2. Đối với dự án sử dụng vốn NSNN, vốn nhà nước ngoài ngân sách mà tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung vượt thẩm quyền thẩm định, phê duyệt ban đầu, chủ đầu tư phải lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền tại Điều 6 Quy định này để tổ chức thẩm định dự án; trình người có thẩm quyền tại Điều 7

Quy định này phê duyệt dự án. Trong một số trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền tại Điều 7 Quy định này có thể ủy quyền cho người quyết định đầu tư ban đầu phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án.

Điều 9. Thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc

1. Các công trình phải tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc là các công trình được quy định tại Khoản 6 Điều 1, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

2. Sau khi có kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc, đơn vị tổ chức cuộc thi gửi kết quả cuộc thi về Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 13/2016/TT-BXD.

Mục 2

THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Hình thức quản lý dự án

1. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức QLDA theo quy định tại Điều 62 Luật Xây dựng, Mục 2 Chương II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

2. Các dự án theo Chương trình xây dựng nông thôn mới giao cho Ban QLDA xây dựng cấp huyện thực hiện công tác QLDA.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán

1. Công trình thuộc dự án sử dụng vốn NSNN:

a) Thẩm quyền thẩm định TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước:

- Công trình cấp đặc biệt, cấp I (trừ công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m) do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Công trình từ cấp II trở xuống, công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Phòng QLXD thẩm định đối với các công trình thuộc dự án nhóm C (trừ nhóm C trọng điểm) và các dự án chỉ cần lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

b) Thẩm quyền phê duyệt TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước:

- Công trình thuộc dự án sử dụng vốn NSNN: Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức phê duyệt đối với các công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

c) Đối với nội dung mua sắm tài sản, trang thiết bị, hàng hóa theo dự án (trừ thiết bị công trình và thiết bị công nghệ): Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh; Phòng Tài chính Kế hoạch thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt đối với công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

d) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế ba bước.

2. CTXD sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, công trình có sự hỗ trợ của nhà nước một phần vốn đầu tư hoặc lãi suất vay, dự án HTKT đối ứng của dự án BT, dự án HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất được đầu tư bằng vốn của nhà đầu tư trúng đấu giá, công trình HTKT khu DCDV:

a) Thẩm quyền thẩm định TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước:

- Công trình cấp đặc biệt, cấp I (trừ công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m) do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Công trình từ cấp II trở xuống, công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Phòng QLXD thẩm định đối với các công trình thuộc dự án HTKT DCDV, dự án nhóm C (trừ nhóm C trọng điểm) và các dự án chỉ cần lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

b) Thẩm quyền phê duyệt

- Người quyết định đầu tư (trong trường hợp người quyết định đầu tư là Chủ tịch UBND tỉnh thì giao cơ quan chuyên môn cấp tỉnh) phê duyệt TKKT, DT trong trường hợp thiết kế ba bước;

- Chủ đầu tư phê duyệt TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế ba bước; TKBVTC, DT trong trường hợp thiết kế hai bước.

3. Công trình thuộc dự án PPP:

a) Đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng phê duyệt thiết kế và dự toán.

b) Đối với các dự án PPP khác: Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

4. Công trình sử dụng vốn khác

a) Thẩm quyền thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước)

- Công trình cấp đặc biệt, cấp I (trừ công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m) do cơ quan thuộc Bộ quản lý CTXD chuyên

ngành chủ trì tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Công trình công cộng, CTXD có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, III, công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m (trừ nhà ở riêng lẻ có chiều cao dưới 09 tầng) do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thẩm định (trừ phần thiết kế công nghệ) theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

- Phòng QLXD cấp huyện thẩm định TKBVTC đối với nhà ở riêng lẻ có chiều cao dưới 09 tầng.

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 12. Cấp giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp GPXD

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng cấp GPXD đối với các CTXD cấp đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật Xây dựng.

b) UBND tỉnh cấp GPXD đối với các CTXD cấp I theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật Xây dựng sau khi có báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng đối với CTXD ngoài KCN, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh đối với công trình xây dựng trong KCN.

c) Sở Xây dựng cấp GPXD đối với các CTXD cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xây dựng ngoài KCN;

Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh cấp GPXD đối với các CTXD công nghiệp từ cấp II trở xuống xây dựng trong các KCN.

d) UBND cấp huyện cấp GPXD đối với các công trình còn lại và công trình nhà ở riêng lẻ.

đ) Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi GPXD do mình cấp.

2. Giấy phép xây dựng có thời hạn: Công trình được cấp GPXD có thời hạn là công trình kết cấu đơn giản, tối đa 02 tầng, có diện tích xây dựng dưới 80m² đối với nhà ở riêng lẻ hoặc dưới 500m² đối với công trình khác.

3. Các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong phạm vi ảnh hưởng đến khu di tích, công trình công cộng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 và số 20/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Điều 13. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng

1. Công tác giám sát đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định 84/2015/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát, đánh giá

đầu tư và trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

Mục 3

KẾT THÚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 14. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán đối với dự án sử dụng vốn NSNN và vốn nhà nước ngoài ngân sách

1. Sở Tài chính thẩm tra quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán đối với dự án sử dụng vốn NSNN và vốn nhà nước ngoài ngân sách

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán. Đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thì Giám đốc Sở Tài chính là người phê duyệt quyết toán.

Điều 16. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quyết toán đối với dự án sử dụng vốn khác

Chủ đầu tư sử dụng bộ phận chuyên môn của mình hoặc thuê tư vấn để thẩm tra quyết toán; chủ đầu tư tự tổ chức phê duyệt quyết toán.

Điều 17. Đầu tư xây dựng công trình đặc thù

Công trình xây dựng đặc thù gồm: Công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, công trình xây dựng tạm được thực hiện theo quy định tại mục 5, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Việc triển khai thực hiện dự án ĐTXD công trình đặc thù thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã được thẩm định, thiết kế cơ sở đã được tham gia ý kiến, thiết kế, dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm tra trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại; việc phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định này.

2. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Xây dựng.

3. Thiết kế, dự toán đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì không phải phê duyệt lại; các bước tiếp theo thực hiện theo quy định này.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công tác QLDA ĐTXD theo các nội dung của Quy định này; định kỳ 06 tháng và 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm kiện toàn bộ máy của các Phòng QLXD, Phòng QLCN để đáp ứng yêu cầu về QLDA ĐTXD; định kỳ 06 tháng và 1 năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn.

4. UBND cấp xã căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại quy định này tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ 06 tháng và 1 năm báo cáo UBND cấp huyện kết quả thực hiện công tác QLDA ĐTXD trên địa bàn.

5. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng vốn NSNN, vốn nhà nước ngoài ngân sách ĐTXD có trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định này; định kỳ 06 tháng và 1 năm báo cáo Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến độ, kết quả thực hiện và kế hoạch thực hiện đối với các công trình được giao quản lý ĐTXD.

Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh